# Mức độ nhu cầu: từ 3 đến 21 tuổi

*(Chỉ dành cho lưu trữ hồ sơ của khu học chánh)*

**Thời gian thực hiện IEP từ**      **đến**

|  |  |
| --- | --- |
| **Thông tin học sinh** | |
| Tên học sinh: | Ngày sinh của học sinh: |
| Mã số học sinh: | Khối lớp: |

|  |
| --- |
| **Dữ liệu tóm tắt về giáo dục đặc biệt cho tất cả các lứa tuổi (3-21 tuổi)** |
| **DOE38: Nhu cầu hỗ trợ:** |
| **01** Thấp (chỉ dành cho trẻ 3-5 tuổi)  **02** Thấp  **03** Trung bình  **04** Cao |

|  |  |
| --- | --- |
| **Xác định mức độ nhu cầu cho trẻ 3-5 tuổi** | |
| **Tổng số giờ dịch vụ giáo dục đặc biệt mà trẻ nhận được mỗi tuần?** | **DOE38: Mức độ nhu cầu** |
| Dưới 2 giờ dịch vụ giáo dục đặc biệt mỗi tuần = **01** Thấp-dưới 2 giờ dịch vụ mỗi tuần | |
| 2 – 5 giờ dịch vụ giáo dục đặc biệt mỗi tuần = **02** Thấp- 2-5 giờ dịch vụ mỗi tuần | |
| 6 – 14 giờ dịch vụ giáo dục đặc biệt mỗi tuần = **03** Trung bình | |
| 15 giờ trở lên tham gia các dịch vụ giáo dục đặc biệt mỗi tuần = **04** Cao | |
| \* *Nếu số giờ dịch vụ mà trẻ nhận được có vẻ không phù hợp với mức độ nhu cầu của trẻ, hoặc nếu một phần số giờ dịch vụ được cung cấp cho trẻ (ví dụ: 5,5 giờ), vui lòng* ***sử dụng phán đoán chuyên môn*** *để xác định mức độ nhu cầu.* | |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Xác định mức độ nhu cầu cho trẻ 6-21 tuổi**  *Đánh dấu vào một ô trong mỗi cột sau đây mô tả đúng nhất chương trình giáo dục đặc biệt của học sinh* | | | |
| **Hàng** | **(Các) môi trường cơ bản:** | **(Các) nhà cung cấp dịch vụ:** | **Phần trăm thời gian nhận các dịch vụ giáo dục đặc biệt trong chương trình:** |
| **Hàng 1** | trong lớp học giáo dục phổ thông | các giáo viên phổ thông và phụ tá có cố vấn | dưới 25% tổng thời lượng chương trình |
| **Hàng 2** | trong và ngoài lớp phổ thông | giáo viên chương trình phổ thông, phụ tá, chuyên gia giáo dục đặc biệt và các nhà cung cấp dịch vụ liên quan | từ 25% đến 75% tổng thời lượng chương trình |
| **Hàng 3** | ngoài lớp học giáo dục phổ thông | các giáo viên giáo dục đặc biệt và các nhà cung cấp dịch vụ liên quan | trên 75% tổng thời lượng chương trình |

|  |
| --- |
| **Tiêu chí quyết định cho trẻ từ 6-21 tuổi** |
| Các tiêu chí này nhằm mang lại tiện lợi cho quý vị. Nếu áp dụng những tiêu chí này không phản ánh thỏa đáng Mức độ nhu cầu của học sinh, **phán đoán chuyên môn** sẽ là yếu tố quyết định.   * Nếu 2 hoặc 3 ô trong Hàng 1 được đánh dấu, có nghĩa là nhu cầu **DOE38=02 (thấp)** * Nếu 2 hoặc 3 ô trong Hàng 2 được đánh dấu, có nghĩa là nhu cầu **DOE38=03 (trung bình)** * Nếu 2 hoặc 3 ô trong Hàng 3 được đánh dấu, có nghĩa là nhu cầu **DOE38=04 (cao)** * Nếu mỗi hàng có 1 ô được đánh dấu, có nghĩa là nhu cầu **DOE38=03 hoặc 04 (trung bình hoặc cao)** tùy thuộc vào học sinh |